

VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ

TRẦN VĂN PHÒNG^(*)

Để làm rõ vai trò của triết học đối với phát triển kinh tế, trong bài viết này, tác giả đã đưa ra và luận giải: 1) Thế giới quan triết học với tư cách cơ sở lý luận cho tư duy đúng đắn về kinh tế; 2) Thế giới quan triết học với tư cách cơ sở phương pháp luận để nhận thức và vận dụng sáng tạo, đúng đắn các quy luật kinh tế; 3) Thế giới quan triết học khoa học với tư cách cơ sở lý luận cho việc hoạch định đúng đắn các chính sách kinh tế; và 4) Thế giới quan triết học khoa học với tư cách cơ sở phương pháp luận cho việc hình thành văn hóa kinh doanh đúng đắn để trên cơ sở đó, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

Triết học là hạt nhân lý luận thế giới quan của con người. Thế giới quan triết học như thế nào sẽ quy định quan điểm kinh tế, chính trị, văn hoá, nghệ thuật, đạo đức, v.v. như thế ấy. Do vậy, triết học khoa học, đúng đắn có vai trò hết sức to lớn đối với sự phát triển của xã hội nói chung, của kinh tế nói riêng. Điều này thể hiện ở một số điểm cơ bản sau:

1. Thế giới quan triết học khoa học - cơ sở lý luận cho tư duy đúng đắn về kinh tế

Triết học có đối tượng nghiên cứu của mình là mối quan hệ của con người với tự nhiên và quan hệ của con người với nhau trong xã hội, đặc biệt là quan hệ của con người với con người trong sản xuất vật chất. Quan hệ của con người với tự nhiên được biểu thị cô đọng nhất thông qua lực lượng sản xuất. Quan hệ của con người với nhau trong xã hội được biểu thị cô đọng, cơ bản nhất thông qua quan hệ sản xuất. Có thể nói, đây là hai mối quan hệ cơ bản nhất của con người. Do vậy, để

phát triển kinh tế thì phải có tư duy về kinh tế một cách đúng đắn. Tư duy về kinh tế muốn đúng đắn phải dựa trên một thế giới quan triết học khoa học. Chẳng hạn, triết học Mác - Lênin nghiên cứu xã hội với tư cách một chỉnh thể thống nhất hữu cơ với "hạt nhân" của nó là kinh tế. Nhưng kinh tế được triết học Mác - Lênin nghiên cứu dưới góc độ lịch sử - cụ thể, tức là dưới những phương thức sản xuất lịch sử - cụ thể. Như chúng ta đã rõ, phương thức sản xuất lại là sự thống nhất hữu cơ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Trong đó, lực lượng sản xuất là nội dung, còn quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của nó. Như vậy, theo triết học Mác - Lênin, muốn phát triển một phương thức sản xuất thì trước hết phải tập trung vào phát triển lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất, theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, là sự kết hợp hữu cơ giữa

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Phó Viện trưởng Viện Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

người lao động với tư liệu sản xuất, mà trước hết là công cụ lao động để tạo ra một sức sản xuất nhất định. Từ đây cho thấy, để phát triển kinh tế, trước hết phải tập trung vào phát triển nhân tố người lao động và sau đó là công cụ lao động. Nếu người lao động không được giải phóng, không có sức khoẻ, không có trình độ học vấn, không có kinh nghiệm, kỹ năng lao động, v.v. thì dù công cụ lao động có hiện đại chăng nữa, lực lượng sản xuất cũng không thể phát triển được. Ngược lại, nếu người lao động có sức khoẻ, có trình độ, có tay nghề, có kinh nghiệm, kỹ năng lao động, nhưng công cụ lao động thô sơ, lạc hậu thì lực lượng sản xuất cũng không thể phát triển. Như vậy, kinh tế cũng không thể phát triển. Do đó, muốn phát triển kinh tế phải có được những chính sách phù hợp để giải phóng người lao động nhằm giải phóng sức sản xuất. Đồng thời, phải đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng, kinh nghiệm lao động cho họ. Không những thế mà còn phải có được những chính sách "lên men" được sự hăng say, tích cực, lòng nhiệt tình, sự cần cù, chịu khó, sự sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và biết phát huy có hiệu quả công cụ lao động hiện có của người lao động. Nghĩa là phải tạo được sự kết hợp tối ưu giữa người lao động có tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng lao động với công cụ lao động. Chỉ có như vậy mới có thể phát huy tối đa vai trò của lực lượng sản xuất trong phát triển kinh tế. Đồng thời phải có chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ hợp lý. Phát triển giáo dục - đào tạo là trực tiếp bồi dưỡng, phát triển nguồn lực con người, là đào tạo người lao động, là trực tiếp góp phần phát triển lực lượng sản xuất. Phát triển khoa học, công nghệ là trực tiếp góp phần phát

triển công cụ lao động, cải tiến, nâng cao, hoàn thiện và chuyển giao công nghệ sản xuất, v.v.. Phát triển khoa học - công nghệ còn góp phần phát triển tư liệu sản xuất, như tạo ra các nguồn nguyên, nhiên, vật liệu mới, nhân tạo không có sẵn trong tự nhiên cho sản xuất. Trên cơ sở đó góp phần làm cho tri thức khoa học ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ còn góp phần nâng cao hiệu quả, tính khoa học của quá trình quản lý sản xuất; trên cơ sở đó, góp phần phát triển kinh tế. Đương nhiên, những điều này chỉ mới là những điều kiện cần cho sự phát triển kinh tế. Để những điều này hậu thuẫn tốt cho sự phát triển kinh tế trên thực tế còn đòi hỏi phải biết tổ chức, quản lý sản xuất một cách hợp lý; giải quyết tốt mối quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất và quan hệ phân phối sản phẩm được sản xuất ra.

Rõ ràng là, triết học không trực tiếp tạo ra của cải vật chất, nhưng triết học khoa học, đúng đắn sẽ cung cấp cơ sở lý luận, phương pháp luận khoa học cho cho sự phát triển tư duy về kinh tế một cách đúng đắn, khoa học; trên cơ sở đó góp phần phát triển lực lượng sản xuất nói riêng, kinh tế nói chung. Đương nhiên, cơ sở lý luận, phương pháp luận triết học đúng đắn còn phải được nhận thức đúng và vận dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế sáng tạo, phù hợp thực tiễn thì mới mang lại hiệu quả thiết thực.

Thực tế lịch sử đã chứng minh những điều này. Chẳng hạn, chính cuộc "cách mạng" trong quản lý kinh tế do các chủ nô dân chủ, tiến bộ khởi xướng ở Hy Lạp, La Mã vào thế kỷ II, III, nhằm giải phóng người nô lệ với tư cách người sản xuất chính trong xã hội khi ấy đã hậu thuẫn cho phương thức sản xuất phong kiến ra

đời. Bởi lẽ, sự đánh đập nô lệ một cách dã man, sự đối xử hà khắc với họ chỉ như đối với công cụ lao động biết nói đã làm cho nô lệ dốt, phá hoại mùa màng, công cụ sản xuất bị kim hãm, kinh tế không phát triển. Để giải phóng sức sản xuất, một số chủ nô dân chủ, tiến bộ đã thay đổi tư duy về kinh tế, trước hết là thay đổi cách quản lý nô lệ, không đánh đập mà "khoán" sản phẩm trên đơn vị đất canh tác. Do được "tự do" canh tác, không bị giám sát, đánh đập nên người nô lệ đã "phấn khởi" làm việc. Hơn nữa, nếu chăm chỉ làm việc, sản phẩm vượt mức khoán thì nô lệ được hưởng. Đây chính là mầm mống của địa tô và đồng thời là chất "men" giải phóng sức sản xuất, hậu thuẫn cho phương thức sản xuất phong kiến ra đời. Thời kỳ Phục hưng ở châu Âu cũng cho thấy, không phải ngẫu nhiên mà chủ nghĩa nhân đạo lại ra đời vào thời kỳ này. Đó là do nhu cầu giải phóng con người nhằm giải phóng sức sản xuất đòi hỏi. Nếu con người không được tự do đi lại, tự do làm giàu, tự do bán sức lao động, v.v. thì nền kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa không thể ra đời và phát triển. Cũng không phải ngẫu nhiên mà thuyết Nhật tâm lại ra đời vào thời kỳ này và sau Còpécnic, Brunô, Galilê lại xuất hiện Lêôna đơ Vanhxi - nhà cơ học, kỹ thuật, có thể nói như vậy, đầu tiên của nhân loại. Chính sự ra đời của cơ học đã hậu thuẫn cho sự phát triển của nền sản xuất cơ khí tư bản chủ nghĩa. Hơn nữa, thuyết Nhật tâm ra đời là nhằm đánh đổ thuyết Địa tâm - một học thuyết không khoa học - cản trở sự phát triển của khoa học và kinh tế. Không phải ngẫu nhiên mà trong *Biện chứng của tự nhiên* Ph.Ăngghen đã khẳng định: "Những ai phỉ báng triết học nhiều nhất lại chính là

những kẻ nô lệ của những tàn tích thông tục hoá, tồi tệ nhất của những học thuyết triết học tồi tệ nhất"(1).

2. Thế giới quan triết học khoa học - cơ sở phương pháp luận để nhận thức và vận dụng sáng tạo, dùng dẫn các quy luật kinh tế

Mỗi hệ thống triết học đều nhằm trang bị cho chủ thể một cơ sở phương pháp luận cho việc nhận thức và trên cơ sở đó, vận dụng các quy luật kinh tế. Chẳng hạn, đối với triết học Mác - Lênin, trang bị phương pháp tư duy biện chứng duy vật để giúp con người nhận thức và vận dụng các quy luật kinh tế một cách khách quan, khoa học hơn. Nhờ phương pháp tư duy biện chứng duy vật mà chúng ta hiểu được rằng, các quy luật kinh tế cũng giống như các quy luật khác, chẳng hạn quy luật của tự nhiên là ở tính khách quan của chúng. Nghĩa là các quy luật kinh tế tồn tại, vận động, phát triển một cách khách quan, tuân theo những quy luật vốn có của nó, không phụ thuộc vào mong muốn chủ quan của con người. Nhưng, khác với các quy luật tự nhiên, các quy luật kinh tế còn mang tính xã hội. Chúng chỉ tồn tại, vận động và phát triển trên cơ sở các hoạt động kinh tế của con người. Do đó, con người không thể "sáng tạo" ra các quy luật kinh tế cũng như tùy tiện xoá bỏ chúng. Nhưng, con người là chủ thể hoạt động kinh tế có ý thức, có lợi ích, v.v.. Vì vậy, thông qua các hoạt động kinh tế của mình, con người có thể tác động để các quy luật kinh tế có thể nhanh diễn ra, hoặc chậm diễn ra. Điều này có ý nghĩa phương pháp luận rất quan trọng trong việc lý giải tại sao một số nước có thể thực hiện chiến lược

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t. 20. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.692-693.

"đi tắt, đón đầu" trong phát triển kinh tế, cũng như thực hiện quá độ lên một phương thức sản xuất nào đó trên cơ sở bỏ qua một giai đoạn phát triển nhất định dưới góc độ kinh tế. Đương nhiên, để thực hiện được "đi tắt, đón đầu", hay "rút ngắn" trong quá trình phát triển thì đòi hỏi phải có nhiều điều kiện khách quan và chủ quan khác nhau. Nhưng, vai trò của triết học Mác - Lênin là ở chỗ, nó trang bị cho chúng ta phương pháp tư duy biện chứng duy vật - công cụ quan trọng để giúp nhận thức và vận dụng sáng tạo các quy luật kinh tế.

Phương pháp tư duy biện chứng duy vật cũng cho phép chúng ta cắt nghĩa sự phát triển của phương thức sản xuất là do những mâu thuẫn bên trong phương thức sản xuất ấy quy định. Đặc biệt là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Mâu thuẫn này được giải quyết sẽ thúc đẩy phương thức sản xuất phát triển tiến bộ hơn. Sự phát triển từ phương thức sản xuất này lên phương thức sản xuất mới tiến bộ hơn là quá trình lịch sử - tự nhiên. Đặc trưng của sản xuất vật chất là không ngừng biến đổi, phát triển và bao giờ cũng bắt đầu từ sự biến đổi, phát triển của lực lượng sản xuất. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất dẫn đến mâu thuẫn với quan hệ sản xuất hiện tồn. Khi lực lượng sản xuất mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất hiện tồn thì quan hệ sản xuất hiện tồn này sẽ trở thành lực cản đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất nói riêng và kinh tế nói chung. Nghĩa là quan hệ sản xuất hiện tồn không còn phù hợp với lực lượng sản xuất đó nữa. Phương pháp tư duy biện chứng duy vật cũng chỉ ra rằng, theo quy luật kinh tế khách quan, quan hệ sản xuất luôn phải phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Nếu quan hệ

sản xuất không phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, nó sẽ kìm hãm lực lượng sản xuất phát triển, nghĩa là kìm hãm kinh tế phát triển. Quan hệ sản xuất không phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất cả trong trường hợp nó lạc hậu hoặc vượt quá xa so với trình độ của lực lượng sản xuất. Dấu hiệu phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất được biểu hiện ở năng suất lao động tăng; người lao động được đào tạo và đào tạo lại; đời sống người lao động được đảm bảo; môi trường sản xuất được cải thiện; công cụ, máy móc, dây chuyền sản xuất được đầu tư cải tiến v.v.. Phương pháp tư duy biện chứng duy vật cũng chỉ ra rằng, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là tất yếu khách quan; sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất bao giờ cũng hàm chứa những yếu tố phá vỡ sự phù hợp; khi có dấu hiệu của sự không phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất thì phải giải quyết kịp thời. Nếu quan hệ sản xuất thuộc về giai cấp thống trị đã lỗi thời trong xã hội và lợi ích của giai cấp này không còn phù hợp với lợi ích của sự phát triển xã hội, thì mâu thuẫn này phải được giải quyết thông qua cách mạng xã hội. Nếu quan hệ sản xuất thuộc về giai cấp tiến bộ, đại diện cho sự phát triển xã hội thì giai cấp đó cần phải chủ động thay đổi, hoàn thiện quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất; đổi mới quan hệ tổ chức, quản lý sản xuất cũng như quan hệ phân phối sản phẩm. Chỉ có như vậy mới đảm bảo sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất, nghĩa là thúc đẩy cả lực lượng sản xuất lẫn quan hệ sản xuất phát triển; và trên cơ sở đó, thúc đẩy kinh tế phát triển. Nhưng phương pháp tư duy biện chứng duy vật

cũng chỉ ra rằng, không thể nóng vội xây dựng quan hệ sản xuất mới khi chưa tạo ra được lực lượng sản xuất mới, cũng không thể tùy tiện xoá bỏ quan hệ sản xuất hiện tồn khi nó còn hậu thuẫn cho lực lượng sản xuất phát triển.

Trước đổi mới (1986), do chưa nhận thức và vận dụng đúng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất cùng với việc mắc “*những khuyết điểm và sai lầm chủ quan*” không thừa nhận kinh tế nhiều thành phần cũng như “*sai lầm lớn về tổ chức thực hiện*”(2), nên chúng ta đã không giải phóng được sức sản xuất. Điều này đã được Đại hội VI của Đảng chỉ rõ: “Trong nhận thức cũng như trong hành động, chúng ta chưa thực sự thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta còn tồn tại trong một thời gian tương đối dài, chưa nắm vững và vận dụng đúng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất”(3). Những sai lầm chủ quan do không nhận thức đúng và vận dụng đúng quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ở nước ta trước đổi mới đã gây ra những hậu quả đáng tiếc cho sự phát triển kinh tế, đồng thời cũng là những minh chứng thực tiễn sinh động cho thấy vai trò của triết học đối với kinh tế. Những sai lầm thực tiễn ấy cũng đã chỉ cho chúng ta rõ, “*lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*”(4).

Phương pháp tư duy biện chứng duy vật xuất phát từ quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất cũng chỉ ra rằng, sự phát triển

kinh tế nhiều thành phần ở những nước có điều kiện như Việt Nam là hoàn toàn đúng quy luật, là tất yếu khách quan. Tính tất yếu này được quy định bởi nhiều nguyên nhân. Nhưng nguyên nhân quan trọng nhất là trình độ lực lượng sản xuất của những nước này vừa chưa phát triển, còn yếu kém, lại vừa không đồng đều. Chính sự *không đồng đều* của trình độ lực lượng sản xuất đã quy định tính không thuần nhất của quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất; quan hệ tổ chức, quản lý sản xuất cũng như quan hệ phân phối sản phẩm, nói khác đi là quan hệ sản xuất. Chỉ có phát triển nhiều loại hình quan hệ sản xuất tương ứng với các trình độ khác nhau của lực lượng sản xuất thì mới giải phóng triệt để sức sản xuất, thúc đẩy kinh tế phát triển.

Như vậy, để mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất không diễn ra gay gắt, chủ thể hoạt động kinh tế luôn phải chủ động điều chỉnh, hoàn thiện quan hệ sản xuất sao cho phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Để làm tốt điều này, chủ thể hoạt động kinh tế phải được trang bị phương pháp tư duy biện chứng duy vật. Phương pháp tư duy biện chứng duy vật còn giúp cho chủ thể hoạt động kinh tế trong khi giải quyết mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất sẽ không hy sinh cái này cho cái kia và ngược lại, mà cùng với phát triển lực lượng sản xuất phải thường xuyên đổi mới, hoàn thiện quan hệ sản xuất. Đương nhiên, có phương pháp tư duy biện chứng duy vật chưa đủ mà quan

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. NXB Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.8.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr.23.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr.57.

trọng hơn là, các chủ thể còn phải biết vận dụng đúng nó trong phát triển kinh tế. Thực tiễn phát triển kinh tế của một số quốc gia đã cho thấy, nếu chính sách phát triển chỉ vì kinh tế đơn thuần, hay vì mục tiêu lợi nhuận đơn thuần, con người trong quá trình phát triển kinh tế nhất định sẽ phải trả giá. Để điều này không xảy ra thì các chính sách kinh tế phải được hậu thuẫn bởi một thể giới quan triết học khoa học đúng đắn.

3. Thế giới quan triết học khoa học - cơ sở lý luận cho việc hoạch định đúng đắn các chính sách kinh tế

Như chúng ta đã rõ, bản thân các chính sách kinh tế, nếu vì mục đích tự thân, nhất định sẽ dẫn tới kết cục phản kinh tế, làm cho kinh tế không thể phát triển bền vững. Để tăng trưởng kinh tế gắn với việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội nhằm tạo ra môi trường phát triển bền vững cần phải có hệ chính sách tổng hợp, mang tính chất kinh tế - xã hội ở tầm vĩ mô. Dựa trên nền tảng cơ sở của thế giới quan triết học khoa học, chủ thể lãnh đạo, quản lý kinh tế có thể đưa ra được những chính sách kinh tế đúng đắn. Chính triết học Mác - Lênin là một cơ sở lý luận khoa học cho việc hoạch định đúng đắn các chính sách kinh tế như vậy. Triết học Mác - Lênin trang bị cho chúng ta thế giới quan, phương pháp luận khoa học để giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội; giữa giải quyết lợi ích trước mắt với mục tiêu lâu dài của sự phát triển; giữa nội lực và ngoại lực trong phát triển kinh tế - xã hội; giữa xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với hội nhập kinh tế quốc tế, v.v.. Bởi lẽ, để giải quyết tốt những vấn đề trên, phải có cái nhìn khách quan,

toàn diện, phát triển, lịch sử - cụ thể và gắn với yêu cầu thực tiễn của đất nước cũng như của thời đại. Chính triết học Mác - Lênin sẽ trang bị cho chúng ta những nguyên tắc này trong hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội. Nguyên tắc khách quan giúp chúng ta khi hoạch định các chính sách kinh tế phải biết căn cứ vào các điều kiện kinh tế khách quan, không được áp đặt mong muốn chủ quan thay cho các điều kiện kinh tế khách quan; phải tôn trọng các quy luật kinh tế khách quan và hoạt động theo các quy luật kinh tế khách quan. Nguyên tắc toàn diện cho phép chúng ta trong hoạch định chính sách kinh tế biết tính tới các mặt, các yếu tố, các quá trình của bản thân kinh tế cũng như mối quan hệ giữa kinh tế với văn hoá, môi trường, an ninh, quốc phòng, v.v.. Nguyên tắc phát triển đảm bảo cho việc hoạch định chính sách kinh tế có cái nhìn phát triển, có tính tới xu hướng phát triển của kinh tế cũng như xã hội. Nguyên tắc lịch sử - cụ thể đòi hỏi các chính sách kinh tế phải được xem xét trong những điều kiện lịch sử - cụ thể của đất nước, khu vực và quốc tế. Điều này giúp cho chính sách kinh tế không xa vào giáo điều, sách vở. Nguyên tắc thực tiễn đòi hỏi chính sách kinh tế luôn phải được gắn với nhu cầu thực tiễn của đất nước, khu vực và quốc tế. Như vậy, tính khả thi, tính thực tiễn của các chính sách kinh tế sẽ cao. Hơn nữa, như chúng ta đã rõ, tư duy về kinh tế một cách đơn thuần luôn đặt hiệu quả kinh tế lên hàng đầu; tư duy về chính trị một cách đơn thuần vì mục đích chính trị có thể "hy sinh" cả kinh tế, cả xã hội, v.v.. Chỉ có tư duy triết học với phương pháp tư duy biện chứng duy vật làm nền tảng mới giúp các chủ

thể hoạt động kinh tế có cái nhìn khách quan, toàn diện, phát triển, lịch sử - cụ thể, thực tiễn. Chính cách tiếp cận này mới có cơ sở vững chắc để đề ra được các chính sách kinh tế đúng đắn, không tổn hại tới chính trị - xã hội cũng như bản thân kinh tế để trên cơ sở đó, tạo môi trường phát triển bền vững cho cả kinh tế lẫn chính trị - xã hội. Không những thế, triết học Mác - Lênin với các nguyên tắc khách quan, toàn diện, phát triển, lịch sử - cụ thể, thực tiễn giúp cho chủ thể hoạt động kinh tế nhận thức đúng quy luật vận động, phát triển kinh tế của đất nước, khu vực và thế giới. Trên cơ sở đó, các chủ thể hoạt động kinh tế có thể chủ động nắm bắt được xu thế phát triển của kinh tế quốc tế. Từ đó mới có cơ sở để hoạch định các chính sách kinh tế quốc dân và quốc tế đúng đắn. Đảng Cộng sản Việt Nam, do nắm vững xu hướng vận động tất yếu của khu vực hoá cũng như toàn cầu hoá kinh tế, đã đề ra chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế trên cơ sở xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển; đảm bảo an ninh quốc gia; giữ vững lợi ích dân tộc; bảo vệ được bản sắc văn hoá dân tộc cũng như môi trường. Đại hội X của Đảng đã chỉ rõ: "Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực"(5); "thông qua hội nhập và hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát huy nội lực mạnh hơn, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững, trên

cơ sở giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa"(6). Đây là chủ trương đúng đắn thể hiện tinh thần tự duy biện chứng sắc bén của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc hoạch định các chính sách kinh tế quốc tế. Rõ ràng, chính sách kinh tế này đã gắn kinh tế trong nước với kinh tế quốc tế; phát triển kinh tế với định hướng xã hội chủ nghĩa; kinh tế với quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia; kinh tế với văn hoá; kinh tế với bảo vệ môi trường. Đường lối kinh tế này thể hiện tinh mục đích đúng đắn của sự phát triển kinh tế. Nó chỉ có được trên cơ sở nắm vững thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn của triết học Mác - Lênin.

Triết học Mác - Lênin còn là cơ sở giúp chủ thể hoạt động kinh tế giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế với chính sách kinh tế. Rõ ràng là, chính sách kinh tế thuộc về hoạt động chủ quan của con người, còn bản thân kinh tế là cái khách quan. Do đó, khi kinh tế thay đổi thì các chính sách kinh tế nhất định phải thay đổi theo. Vì vậy, việc sửa đổi, hoàn thiện chính sách kinh tế sau khi đã ban hành là hiện tượng bình thường trong hoạt động quản lý kinh tế. Các chính sách kinh tế luôn phải được xuất phát từ những điều kiện kinh tế khách quan; phải được hoàn thiện, bổ sung và phát triển bằng con đường tổng kết kinh nghiệm phát triển kinh tế của đất nước và khu vực. Những chính sách kinh tế đúng đắn luôn tác động tích cực trở lại tới các điều kiện kinh tế, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.112.

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr.71.

4. Thế giới quan triết học khoa học - cơ sở phương pháp luận cho việc hình thành văn hoá kinh doanh đúng đắn; trên cơ sở đó, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển

Văn hoá kinh doanh là một phương diện của văn hoá trong xã hội, là văn hoá trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh; nó bao gồm triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, v.v.. Văn hoá kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng, của kinh tế nói chung. Hơn nữa, chỉ có kinh doanh có văn hoá mới kết hợp được giữa tăng trưởng với phát triển bền vững. Chỉ có kinh doanh có văn hoá mới gắn kết được cái lợi với cái đúng, cái thiện, cái đẹp. Nhưng để có được văn hoá kinh doanh thì cần phải có một yếu tố quan trọng là thế giới quan triết học - nền tảng để tạo nên triết lý kinh doanh cũng như đạo đức kinh doanh. Triết lý kinh doanh như thế nào sẽ là cơ sở để hình thành nên quan niệm, mục tiêu kinh doanh như thế đó. Thực tiễn đã chỉ rõ, nếu kinh doanh, kinh tế đặt mục tiêu lợi nhuận tối đa lên trên thì nhất định trong quá trình kinh doanh, phát triển kinh tế, vấn đề môi trường, vấn đề xã hội sẽ nảy sinh và không thể giải quyết triệt để. Chỉ có đặt mục tiêu lợi nhuận phải phù hợp với giải quyết vấn đề môi trường, vấn đề xã hội thì kinh doanh, kinh tế mới có cơ sở phát triển bền vững. Hơn nữa, triết lý kinh doanh còn là hệ các giá trị có tính pháp lý và đạo đức, thể hiện các nguyên tắc cơ bản chỉ đạo hành vi, cách ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp và giữa các doanh nghiệp với nhau cũng như giữa các thể chế kinh tế, giữa các nền kinh tế. Trên cơ sở đó góp phần hình thành nên văn hoá kinh doanh và phát triển kinh tế. Triết học không chỉ là một cơ sở quan trọng để hình thành nên triết

lý kinh doanh nói riêng, văn hoá kinh doanh nói chung, mà còn là một thành tố thẩm thấu trong triết lý kinh doanh và đạo đức kinh doanh. Qua đó, triết học tác động, phát triển môi trường thuận lợi cho kinh doanh nói riêng, kinh tế nói chung phát triển.

Những điều trình bày trên cho thấy, thế giới quan triết học khoa học, đúng đắn nói chung, thế giới quan triết học Mác - Lênin nói riêng là cơ sở lý luận cho tư duy về kinh tế một cách đúng đắn. Nó trang bị phương pháp tư duy khoa học - công cụ sắc bén để nhận thức các quy luật kinh tế và là cơ sở lý luận cho việc hoạch định đúng đắn các chính sách kinh tế và hình thành văn hoá kinh doanh, triết lý kinh doanh đúng đắn. Trên cơ sở đó, triết học Mác - Lênin nói riêng, thế giới quan triết học khoa học, đúng đắn nói chung góp phần phát triển kinh tế, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học để nhận thức sâu sắc các chính sách kinh tế, đường lối phát triển kinh tế cũng như tư duy về kinh tế của các quốc gia dân tộc và các thời đại. đương nhiên, sự phát triển của kinh tế, đến lượt nó, lại tác động trở lại tới sự phát triển của thế giới quan triết học. Nó đặt ra những vấn đề mới đòi hỏi triết học phải giải quyết. Qua đó, thúc đẩy triết học phát triển. Không những thế, nó còn tạo ra những điều kiện vật chất, mà thiếu nó thì triết học không thể tiến lên được. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, vai trò của triết học đối với kinh tế được thể hiện đến đâu còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, mà trước hết là tính đúng đắn, khoa học của triết học; mức độ thâm nhập của triết học đó vào quảng đại quần chúng nhân dân; sự nhận thức và vận dụng triết học có sáng tạo, phù hợp thực tiễn vào phát triển kinh tế hay không bởi chủ thể lãnh đạo, quản lý. □